ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 697/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 16 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân và lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/217/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Tổng Thanh tra Chính phủ: Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của về công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ; Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 về công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân và lĩnh vực xử lý đơn (được thực hiện ở 03 cấp tỉnh, huyện, xã) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh Tuyên Quang.

(*Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo)*

Điều 2. Giao Thanh tra tỉnh thực hiện:

1. Niêm yết, công khai Danh mục, nội dung của các thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Thanh tra tỉnh và nơi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố quy trình nội bộ, liên thông đối với các thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thiện quy trình điện tử của các thủ tục hành chính và công khai đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: dichvucong.gov.vn; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, địa chỉ: dichvucong.tuyenquang.gov.vn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thay thế thủ tục hành chính lĩnh vực tiếp công dân và lĩnh vực xử lý đơn tại Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cục KSTTHC-VPCP; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4; (thực hiện)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Lưu: VT, THCBKS$_{Nhung}$.

CHỦ TỊCH

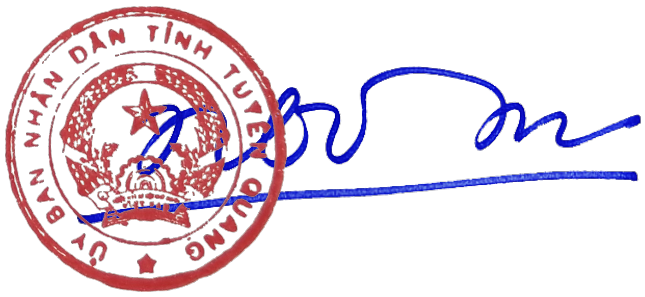

Nguyễn Văn Sơn

Số: 697
Thời gian ký: 16/06/2022 13:53:24 +07:00

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN VÀ LĨNH VỰC XỬ LÝ ĐƠN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA THANH TRA TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Thực hiện tại bộ phận một cửa	Dịch vụ công trực tuyến
A	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 THỦ TỤC)**							
I	**Lĩnh vực Tiếp công dân (01 thủ tục)**							
1	Tiếp công dân tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Uỷ ban nhân dân tỉnh (Ban Tiếp công dân); - Thanh tra tỉnh; - Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.		x	Mức độ 4
II	**Lĩnh vực Xử lý đơn (01 thủ tục)**							
1	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	- Uỷ ban nhân dân tỉnh (Ban Tiếp công dân); - Thanh tra tỉnh; - Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành	x	x	Mức độ 4

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Thực hiện tại bộ phận một cửa	Dịch vụ công trực tuyến
					Luật Khiếu nại; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.			
B	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (02 THỦ TỤC)**							
I	**Lĩnh vực Tiếp công dân (01 thủ tục)**							
1	Tiếp công dân tại cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Uỷ ban nhân dân cấp huyện; - Thanh tra huyện; - Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.		x	Mức độ 2
II	**Lĩnh vực Xử lý đơn (01 thủ tục)**							
1	Xử lý đơn tại cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	- Uỷ ban nhân dân cấp huyện; - Thanh tra huyện; - Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số	x	x	Mức độ 2

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Thực hiện tại bộ phận một cửa	Dịch vụ công trực tuyến
					124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Khiếu nại; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.			
C	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 THỦ TỤC)**							
I	**Lĩnh vực Tiếp công dân (01 thủ tục)**							
1	Tiếp công dân tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Uỷ ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.		x	Mức độ 2
II	**Lĩnh vực Xử lý đơn (01 thủ tục)**							
1	Xử lý đơn tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Uỷ ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của	x	x	Mức độ 2

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Thực hiện tại bộ phận một cửa	Dịch vụ công trực tuyến
					Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Khiếu nại; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.			